

# PHỤ NỮ SÀI GÒN 200 NĂM TRƯỚC

## (Qua hồi ký của John White)

Nguyễn Văn Giác<sup>1\*</sup>

[TÓM TẮT: *A voyage to Cochinchina* của thuyền trưởng John White đã dành nhiều trang mô tả cận cảnh sinh hoạt đa dạng của các tầng lớp phụ nữ Sài Gòn xưa. Nếu như phụ nữ bình dân đảm đang từ công việc đồng áng đến đi buôn, từ dệt cửi, tiếp khách đến chèo thuyền thuê... thì phụ nữ thượng lưu vừa lịch lãm và bản lĩnh trong giao tiếp, vừa tinh tế và cuốn hút với nghệ thuật làm đẹp. Còn hơn thế, địa vị xã hội của người phụ nữ Việt dường như đã vượt qua chuẩn mực của một số nền văn minh cùng thời]

### Dẫn nhập

Nửa sau năm 1819, cùng lúc có bốn chiếc thuyền buồm của Hợp Chúng quốc Mỹ đến hải cảng Cap Saint Jacques đề xuất các quan thẩm quyền địa phương cấp giấy phép ngược sông Đồng Nai để cập bến Sài Gòn thực hiện các giao dịch thương mại. Sau những nỗ lực vận động kiên trì và bổ sung tối đa nguồn nhân - tài - vật lực, với chuyến vận hành ngược ra kinh thành Huế và vượt quần đảo Hoàng Sa sang Manille, hai trong số đó đã quay trở lại và có mặt tại thương cảng trung tâm xứ Nam Kỳ vào lúc sáng sớm ngày 07.10, gồm tàu Franklin và Marmion. Hồi ký về chuyến đi của thuyền trưởng John White chỉ huy tàu Franklin xuất bản thành sách lần đầu năm 1823 tại quê nhà và tái bản tại Anh quốc vào năm sau dưới nhan đề *A voyage to Cochinchina* (Chuyến đi đến Nam Hà) có những mô tả sinh động về vùng đất và con người ở nơi thủy thủ đoàn đặt chân đến.

Trong phạm vi bài viết, chúng tôi cập nhật những ghi chép của tác giả về chủ nhân đặc biệt của xứ bản địa, đó là người phụ nữ Việt gắn với các sinh hoạt kinh tế - xã hội, tính cách nhân thể cùng phong tục tập quán vào thời đại khởi đầu Vương quốc Việt Nam/Đại Nam. Có lẽ đây cũng là một trong những trang tư liệu hiếm hoi dưới nhãn quan của nhà hải hành ngoại quốc thuộc một quốc gia - dân tộc tư sản vừa mới định hình non nửa thế kỷ bên kia bờ Thái Bình Dương.

### Phụ nữ bình dân

---

<sup>1\*</sup> Tiến sĩ, Trường Đại học Thủ Dầu Một. Email: [vanjack.nguyen@gmail.com](mailto:vanjack.nguyen@gmail.com), ĐT: 0973433617

Trên chặng ngược sông tiến vào trung tâm nội địa Nam Kỳ, từ sự quan sát bao quanh lối đi, J. White bắt ngờ hướng tâm điểm chú ý trong bối cảnh làng Việt thành hình giữa một vùng canh tác nông trại hoang sơ: "... chúng tôi có được nỗi thú vị nhận thấy về phía phải chúng tôi một ngôi nhà của người bản xứ rất khiêm tốn. Hơi xa một chút, chúng tôi lại nhận thấy ba ngôi nhà khác cùng một loại trên bờ sông đối diện. Chúng được dựng lên trong rừng rậm ở trung tâm một khoảng đã phát quang độ vài mẫu Tây và được bao quanh với cây dừa và cây cau. Một người đàn bà cầm tay cây của một cây cà phê sơ do một con trâu kéo cày. Người thông ngôn nói với tôi rằng người đàn bà đang sửa soạn đất để gieo mạ vào đây. Trong một hướng khác, có nhiều hầm hố bao quanh, một cánh đồng lớn phủ một màu xanh non rất đẹp đang dọn sóng một cách dịu dàng dưới làn gió nhẹ mơn man thổi. Bằng phẳng và được tưới nhuận nước sông Đồng Nai, toàn miền này rất thuận lợi cho việc cấy lúa làm ruộng nước, rất cần thiết cho đời sống sung túc và ngay cả cho sự sống của dân chúng"<sup>2</sup>. Dù chỉ mới là viễn ảnh dưới ánh nhìn lãng mạn, song thực tại đã phóng chiếu một hình ảnh làng quê độc đáo về vai trò của người phụ nữ Việt trên vùng đất mới.

Thực vậy, ngay khi những người đàn ông thuộc bờ bên lạ Mỹ châu này chưa kịp đặt chân lên đất liền tại thương cảng Sài Gòn, tâm vóc của cảnh quan lại đặt thêm một dấu nhân: "Sự xuất hiện nhiều thuyền bè có tính cách nhẹ nhàng như bay mà đa số thuyền ấy chỉ được chèo bởi một người đàn bà duy nhất ăn mặc áo quần sắc sỡ, đã làm cho chúng tôi kinh ngạc một cách thích thú. Một số đông những thuyền bè bản xứ có tầm cỡ lớn nhỏ khác nhau đi lại trên sông đã đem lại cho con sông vẻ sinh hoạt và rộn rịp"<sup>3</sup>. Hoạt kích khu biệt về người phụ nữ phương Nam thời dựng cõi đầu thế kỷ XIX trong sinh trạng kinh tế có thể đem đối sánh với hồi cổ của chính sử Lạc Việt đầu thời Bắc thuộc được sao chép bởi nhiều thế hệ sử gia với ý niệm khuôn mẫu để tự hào, rằng "Trong núi ở quận Cửu Chân có người con gái em họ Triệu [Triệu Thị Trinh, em gái Triệu Quốc Đạt - TG], vú dài 3 thước, không lấy chồng, họp đảng cướp bóc các huyện trong quận, thường mặc áo ngắn sắc vàng đi guốc gỗ, ngồi đầu voi đánh nhau, sau chết làm thần"<sup>4</sup>. Làm đẹp nhằm

---

<sup>2</sup> Midan, P., "Những người Âu đã thấy Huế xưa: John White"; trong: Hà Xuân Liêm (dịch) (2010), *Những người bạn cố đô Huế*, Tập XXIV, Năm 1937, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.342-343.

<sup>3</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sđd, tr.347-348.

<sup>4</sup> Cao Huy Giu (dịch) (2010), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Trọn bộ, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.83.

mục đích tự vệ hay gia tăng lợi thế về mình là một kiểu chiến thuật không ngừng được phát huy trong bất kỳ loại hình chiến tranh nào nhằm loại trừ đối thủ trực diện vẫn đã đang tiếp diễn và tỏ ra khả nghiệm. Dường như không thể để số phận chìm khuất giữa một miền thiên cảnh sông nước cùng rừng hoang xen lẫn bất tận, những người phụ nữ nơi vùng đất mới đã vượt lên khẳng định sự hiện hữu của mình, trước tiên là vấn đề phục sức, tạo nên cho một dạng văn hóa đặc trưng là văn hóa thương hồ phương Nam.

Trong khi tìm hiểu cấu trúc cùng chức năng và hoạt cảnh của những ngôi nhà Việt vùng đô thị bản địa, qua lời mời đến thăm tư gia của người thông dịch gốc xứ Philippine có tên Pasqual, J. White vẫn nhắm đến chủ thể chính của nó là người phụ nữ. Đó là hai cô gái trẻ thể hiện các trạng thái biểu cảm khác nhau bởi công việc và phục trang không giống nhau, vì là người lai nên được tác giả tỏ ra khá gần gũi.

Cô gái thứ nhất gắn với công việc thủ công trong gia đình: “Người con gái của Pasqual, nhân vật vụng về độ 19 tuổi, ngồi trong một xó nhà, và đang dệt một loại lụa thô có màu vàng nhạt, khổ rộng độ 18 pouce (= 4,86dm). Cái khung dệt, mặc dù có sự cấu trúc thô tháp hơn, nhưng trong nguyên tắc của nó thì một cách căn bản cũng không khác gì khung dệt của người Mỹ chúng tôi”<sup>5</sup>. Có lẽ trong khi đối sánh hai khung dệt của hai dân tộc với sự tinh xảo kỹ thuật thuộc về người Mỹ, hình ảnh cô gái lai Á cũng bị chùng xuống cùng với sự lạc hậu công cụ do mình sở hữu.

Cô gái thứ hai gắn với việc tiếp đãi khách là một người lai Âu: “Cô gái này khoảng 16 tuổi và con giám hộ của ông chủ nhà. Thân phụ cô gái, hiện vắng mặt, là người nguyên quán ở Macao, và người mẹ quá cố của cô gái là người Nam Kỳ. Cô là một người đẹp nhất mà chúng tôi đã gặp ở xứ này. Những thứ tình cảm mà chúng tôi thích thú hưởng trong thứ tình cảm đó đã không bị chao động tí nào khi cô gái đến gần để mời chúng tôi uống nước chè và ăn trà, chúng tôi đã ‘hít được hương thơm mà cô gái tỏa ra’ [lời một bài hát hoặc một câu thơ - TG]. Cô gái mang áo quần bằng lụa đen và một cái áo choàng dài hầu như đến mắt cá chân. Đầu tóc chải bóng với dầu dừa được bôi lên thành một búi tóc trên đỉnh đầu mà một cái khăn bằng crêp đen đã trùm nó lại. Nét mặt và cái cổ của cô gái, những đồ trang sức trinh trắng của phái nữ, đều được trang trí với những đường sọc sặc sỡ tạo nên bởi sự thu thập những vật liệu xa lạ mà tình cờ chúng đã được tiếp xúc với những

---

<sup>5</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sdd, tr.354.

thứ này. Những bàn chân của người con gái để trần và bị chai đi, hai ngón tay trở ở hai bàn tay cô gái để hai cái móng tay dày và dài 2 pouce (54mm)<sup>6</sup>. Tập quán bản địa vẫn đậm nét trên nhân thể của người con gái mang một nửa dòng máu Bồ Đào Nha này: tóc chải mượt bằng dầu dừa, chân trần, móng tay dài chăm chút.

Với việc vận hành thuyền bè trên sông rạch bởi nhiều nghề sinh kế khác nhau, phụ nữ trở thành những người đấm đương chuyên nghiệp. Tính cách hiếu kỳ của người ngoại quốc đang được thách thức: “Những thuyền bè nhẹ như bay, được làm bởi một thân cây duy nhất, và một phần lớn thời gian chúng chỉ được điều khiển bởi một người đàn bà duy nhất, chèo đi chèo lại trên sông. Những chiếc thuyền ấy được điều khiển một cách rất khéo léo và chở đầy ắp một cách rất bình thường... Người chèo thuyền đưa một mái chèo dài mềm mại lên trước cho đến lúc chèo nằm song song với chiếc thuyền để chèo thuyền đi, mái chèo này được cột bằng dây mây vào một cái cọc chèo dài 2 pie (= 0,6m), cọc chèo được cột cứng vào mạn thuyền gần phía đuôi thuyền. Tiếp theo người đàn bà uốn cong mình một cách tài tình và cân bằng những hiệu quả làm phát sinh ra sức đẩy tới chỉ tác hành theo một bên của chiếc thuyền. Người đàn bà đã giữ vai trò một mái chèo ngoáy để trở lui vị trí đầu tiên của bà ta, điều này cho phép thuyền giữ được đà tiến và hướng tiến. Rất nhiều thuyền như vậy đã đến cập mạn tàu của chúng tôi. Những thuyền này được chắt đầy một số lớn các thứ trái cây nhiệt đới ngon tuyệt vời, và nhiều thứ hàng hóa khác nhau... Những chiếc thuyền tương tự như những chiếc vừa nói và chắt đầy những bị lát to tương giống như những bị bằng vải của các bang miền Nam nước Hoa Kỳ, chèo bằng bành trên sông, và người chủ thuyền thường rao lên Chà Huê (Chè Hué), tiếng rao này là hẳn nhiên không còn nghi ngờ gì về nghề nghiệp của họ nữa”<sup>7</sup>. Đó là những người phụ nữ chuyên nghề bán trà dưới dạng lá có xuất xứ nội địa được vận chuyển từ vùng phụ cận kinh thành Huế, khác với loại trà Tàu sấy ướp có màu đen chế biến ở Trung Hoa.

Không chỉ điều khiển sự vận hành của thuyền bè để đi buôn, phụ nữ Sài Gòn đôi khi còn thực hiện dịch vụ đem thuyền của mình cho người ngoại quốc thuê và đồng thời kiêm cả vai trò lái thuê. Những điều kiện đáp ứng cho loại dịch vụ mới mẻ này chứng tỏ sự nhạy bén thương trường cũng như khả năng tự thích ứng của một bộ phận phụ nữ vùng phố cảng. J. White phân tích: “Những gia đình cư trú trong một chiếc thuyền, thì chiếc thuyền đó là phương tiện sinh tồn độc nhất của

---

<sup>6</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sđd, tr.355.

<sup>7</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sđd, tr.356-357.

họ... Vì nhiều lý do khác nhau, những khách thương ngoại quốc thích những thuyền ấy hơn là thuyền của họ. Những người chủ thuyền đã biết con sông một cách mật thiết. Ít nhiều họ nói được tiếng Bồ Đào Nha phương Đông và làm thông ngôn cho những ai không nói được tiếng An Nam (vì ở tất cả các tàu buôn của người Mỹ hay của châu Âu đến buôn bán ở phương Đông, đều thường tìm một người nào đó có hiểu và có nói được vài tiếng Bồ Đào Nha). Quê hương của họ và tập quán của họ cho phép họ chống đỡ được hiệu quả phá hoại của cái nắng nhiệt đới và chướng khí của ban đêm. Đó là không nói gì đến sự hao hại của vật chất mà người ta dành dụm được, cuối cùng và trước nhất là giá rẻ cực kỳ theo điều kiện của họ cho thuê. Chỉ 15 quan một tháng, chúng tôi có thể thuê một chiếc thuyền có mui che để bảo vệ những người đi trên thuyền ấy tránh nắng và lúc thời tiết xấu. Một chiếc thuyền như vậy được chèo bởi ba người đàn bà: bà mẹ và hai người con gái của bà ta. Cả ba người ấy không những chỉ dùng để bảo đảm công việc giữa chiếc thuyền buôn và bờ sông, mà người ta còn thường xuyên nhờ cậy đến công việc phục vụ của họ trong tất cả mọi sự bắt buộc mà người ta bị buộc phải làm đầy đủ ở cảng sông”<sup>8</sup>. Lợi ích sáng rõ, gợi mở một vài hình thức hoạt động kinh tế tư bản chủ nghĩa trong việc xác lập quan hệ thương mại ở đây.

Tuy vậy, không phải lúc nào người phụ nữ cũng được chính quyền đứng ra bảo vệ hay pháp luật bên vực, nhất là những người già, không chỉ với vị thế kẻ yếu mà còn trong lúc hành nghề. Hơn thế, những người phụ nữ này gần như bất lực bởi sự bức hiếp trắng trợn của một số gia đình quyền thế thông qua kẻ thừa hành. Ghi nhận của tác giả trong khi tiến hành khảo sát hàng hóa được bày bán ở khu chợ Sài Gòn: “Chúng tôi đã gặp nhiều chợ bán lộ thiên... Sự chú ý của chúng tôi đã bị lôi kéo bởi những tiếng gào thét của một bà già, bà đã làm cho tiếng kêu than của bà lan ra cả chợ. Một người lính, đứng gần bà ta đang mang đầy trái cây, rau tươi và gà vịt, đã nghe tiếng gào thét của bà ta với vẻ lạnh lùng tinh bơ đến tột mức. Cuối cùng bà ta im lặng, kiệt sức, và người lính, cười vỡ lẽ, rời chỗ bày bán của bà già và đi đến một hàng khác, tại đây người lính bắt đầu chọn lựa những gì anh ta thích để lấy thêm vào những gì mà anh ta đã có. Chúng tôi để ý thấy rằng, suốt dọc con đường mà người lính đã đi qua, thì những người đàn bà đều vội vã thu giấu những thứ hàng hóa tốt nhất của họ. Chúng tôi liền hiểu rằng kẻ ăn cướp bóc lột ấy đã dựa thế uy quyền tràn đầy bởi người chủ của anh ta đã cho phép, chủ anh ta là một đại quan thần cao nhất, đi mua những thực phẩm, và tự chọn lấy những gì anh

---

<sup>8</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sdd, tr.360-361.

ta muốn nhưng không phải trả tiền. Về sau chúng tôi hiểu rằng đó chính là một tập quán chung, và chẳng tập quán ấy không phải được đem ra áp dụng mà không thiên vị, vì nhiều lần chúng tôi đã có cơ hội lưu ý rằng những bà già khốn khổ ấy đều là nạn nhân của tập quán này, trong khi những thiếu nữ đều được đối xử rộng rãi hơn và khi đi qua họ lại còn được người lính tặng cho nụ cười hay cái chào”<sup>9</sup>.

Một bộ phận nữ giới khác hiện diện trong Hồi ký của J. White biểu hiện những nét phẩm chất không thuần Việt. Đó là những người phụ nữ đứng tuổi chuyên nghề buôn sỉ trung gian. Ngay khi có cuộc thăm viếng sơ bộ của thuyền trưởng J. White tại ngôi nhà riêng của viên thông dịch, họ đã tiếp cận người khách hàng ngoại quốc sung túc nguồn tiềm lực thương mại này. Tuy vậy, phản ứng của chỉ huy tàu Franklin tỏ ra cảnh giác cao độ: “Chúng tôi lưu ý rằng những người đàn bà lớn tuổi đã quá bận bịu vào việc bàn luận và chúng tôi là đề tài cho cuộc đối thoại của họ. Pasqual nói cho chúng tôi biết rằng đó là những người buôn bán và rằng họ đến với mục đích thương lượng với chúng tôi để dễ dàng hóa công việc làm ăn của chúng tôi. Họ muốn biết chúng tôi muốn mua thứ hàng hóa gì, chúng tôi có ý đồ mua đường với giá nào... Nhưng chúng tôi đã không tỏ ra nóng lòng để bắt đầu thảo luận công ăn việc làm...”<sup>10</sup>. Đó chính là đội ngũ hành nghề môi giới chuyên nghiệp: phụ nữ Hoa kiều.

Một thói quen trong sinh hoạt thường ngày của phụ nữ Sài Gòn được ghi nhận bởi J. White không mấy thiện chí, dù rằng không đến mức độ cực đoan gay gắt như người đồng hương quý phái của ông hơn mười năm sau, Đặc sứ Edmund Roberts của Tổng thống Andrew Jackson, tại hải cảng Vũng Lắm nằm trên vùng bờ biển miền Trung Việt Nam<sup>11</sup>. Thực vậy, khác với sứ mệnh ngoại giao của E. Roberts, công vụ của tác giả ở đây chỉ nhằm trắc nghiệm thương phẩm nên những định kiến hàm ý dân tộc tính không đặt ra một cách khắc khe. J. White nhận xét: “Những chiếc thuyền chèo trái cây và những thứ hàng hóa khác, được chèo bởi nhiều người đàn bà, là một hí trường vui đặc biệt, nó phơi bày ra ánh sáng sự đơ bản mà người bán xứ đã buông xuôi theo nó. Không hơn không kém là họ đã ngồi để lưng bắt chấy đang rúc trong đầu tóc của họ để bỏ vào miệng mà cúp chúng. Sự

---

<sup>9</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sđd, tr.373.

<sup>10</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sđd, tr.356.

<sup>11</sup> “Dân chúng ở đây là những người ăn ở bản nhất trên thế giới, không có một ngoại lệ nào cả”; trong: Roberts, Edmund (1837), *Embassy to the Eastern Courts of Cochin-China, Siam, and Muscat, in the U.S. Sloop-of-War Peacock, David Geisinger, Commander, During the Years 1832-3-4*, Harper & Brothers, New York, tr.220.

lùng bắt chấy rất thạo và trò chơi này hình như rất hay đối với ý thích của họ. Sau đó chúng tôi nhận ra rằng trò chơi chán ngán đó không phải là độc quyền ở các đẳng cấp thấp, mà các bà ở đẳng cấp cao cũng miệt mài với trò chơi đó”<sup>12</sup>.

### **Phụ nữ thượng lưu**

Trong thời gian thực hiện quan hệ mậu dịch, thủy thủ đoàn thương thuyền Hợp Chúng quốc nhận được lời thỉnh cầu của một phụ nữ thuộc giới thượng lưu Sài Gòn muốn lên tàu Franklin thăm viếng. Thái độ cực kỳ cởi mở này cho thấy tâm thế hội nhập đã được định hình một cách chủ động từ rất sớm nơi vùng đất mới, không chỉ là chí hướng của những đấng tu mi mà còn thể hiện khát vọng từ những bậc nữ tử. Thịnh tình tiếp đón của những người đàn ông Âu - Mỹ cho thấy sự phô diễn nét tính cách tuyệt đẹp của một nền văn hóa nhân bản, đồng thời cũng phản ánh sự kết nối những ý tưởng tuyệt vời giữa các chủ thể tràn trề tình hữu nghị: “Vào thời kỳ đó, bà vợ và người con gái của Pasqual và nhiều người đàn bà khác, đã có chồng hay chưa đã lập nên một đoàn chọn lựa, đến làm một cuộc thăm viếng trang trọng đối với chúng tôi để báo tin cho chúng tôi hay rằng một bà thuộc hàng thượng lưu mà ông chồng của bà đã về châu vua ở Huế, bà sẽ đến làm cuộc viếng thăm danh dự trên tàu chúng tôi. Vào ngày hôm sau, để làm thỏa mãn sự mong ước mà bà đã ấp ủ từ lâu là muốn thấy những “Don-ong-Olan” [“Đàn ông/Quý ông Da Trắng” - TG] và những chiếc tàu của họ. Chúng tôi đã trả lời cho phái đoàn họ là họ phải trả lời cho biết, vào giờ nhất định, quý bà ấy và đoàn tùy tùng của bà có thể xuất hiện để thăm viếng. Bằng vào sự phán đoán theo những người bạn phái đẹp của chúng tôi, thì bà có dáng vẻ độ 35 tuổi, nhưng sự thật thì quý bà ấy còn trẻ đi độ mười tuổi. Người cao lớn, có dáng hơi mập. Bà có dáng dấp và cử chỉ khá giống đàn ông. Những gì mà người ta thấy trên áo quần bà là gồm có bốn cái áo dài có màu sắc khác nhau. Bà đi giày vải kiểu Trung Hoa và trên đầu vẫn một cái khăn vẫn bằng lụa vàng. Một trong những thị tì của bà mang cái nón của bà, một thị tì khác bung cái tráp được trang trí rất phong phú, tráp đựng trà... một thị tì thứ ba cầm một cái quạt rất lớn và một thị tì thứ tư mang một cái lọng bằng giấy. Hai cổ tay của bà đeo rất nhiều vòng vàng, và ở các ngón tay đeo những chiếc nhẫn cùng thứ kim loại quý ấy... Bà ăn một cách nhiệt tình bữa ăn nhẹ được sửa soạn để mời bà, và bà uống nhiều ly rượu với một dáng dấp mù rượu chè thật sự. Bà đã trải qua một phần lớn thời gian buổi chiều trên hai chiếc tàu, bà

---

<sup>12</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sdd, tr.360.

đặt câu hỏi tại sao và thế nào về tất cả mọi vật mới mẻ hiện ra trước mắt bà. Và vào buổi tối, khi bà xin kiếu từ ra về, bà đã cảm ơn chúng tôi một cách lịch sự về sự nhã nhặn và sự chú ý của chúng tôi”<sup>13</sup>. Phong thái của quý bà Sài Gòn thật đáng ngưỡng mộ: tự nhiên và tinh tế làm sao!

Những ghi chép của viên truyền trưởng Trung úy J. White cũng bất ngờ phát lộ một phân cảnh về hậu cung của ngài Tả quân Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt. Dù rằng rành rành là một vị đại nội quan lừng lững của hoàng triều, Lê Văn Duyệt vẫn tự thu xếp cho riêng mình một mái ấm gia đình mang tính cách biểu trưng. Trích thuật cho biết: “Bằng cách dẫn chúng tôi đến xem một vòng rào vây mà những con động vật bị nhốt ở trong đó, thì một trong những ngôi nhà phụ thuộc vào dinh cơ chúng tôi đã thấy một người thợ kim hoàn đang làm những chiếc nhẫn, những vòng đeo và nhiều đồ nữ trang khác cho các bà vợ của quan Tổng trấn. Hình như vàng này là vàng đúng độ tuổi nhất, nhưng những vật ấy là do một công việc tay trái. Gần ngôi nhà ấy và nằm song song với dinh cơ, cách độ 50 piê [= 15m - TG], có một nhà lầu được bao quanh với hành lang. Chính đó là nơi ở của các bà phu nhân và các thứ thiếp của Quan Lớn. Các bà mang những áo quần có màu tươi sáng và mang đầy nữ trang. Khi chúng tôi đến gần, các bà tụ tập lại trong các hành lang và nhìn chúng tôi với cặp mắt rất tò mò, lạ lùng xuyên qua các mảnh mảnh và sáo che khuất các bà một phần nào. Các bà có tâm tính vui sướng. Các bà lôi cuốn sự chú ý của chúng tôi và theo lời người thông ngôn, đã mời chúng tôi đến gần để nhìn kỹ áo quần chúng tôi, màu da của chúng tôi... Nhưng vào lúc chúng tôi sắp làm thỏa mãn ước muốn của họ thì có hai người hoạt bát khỏe mạnh đã đẩy các bà vào bên trong nhà các bà ở, và họ đứng canh gác ở nơi cửa lớn. Vì chúng tôi không phải là thiếu thận trọng, nên chúng tôi đã tiếp tục đường đi của chúng tôi, tuy nhiên không phải là chúng tôi không tiếc rẻ đã mất đi cơ hội được nhìn gần con người, quần áo và sự trang sức của Tổng trấn phu nhân và các bạn của bà”<sup>14</sup>. Quả thực là một phiên bản của cảm cung. Tất nhiên, đó là những quý bà cực kỳ xinh đẹp của đô thị Sài Gòn thuở ấy.

Phục trang cùng phong cách sang trọng của giới phụ nữ thượng lưu Nam Kỳ không ngừng được J. White bổ túc, đôi sánh để tôn vinh, ngưỡng mộ. Dù vậy, nhan sắc không biết đến quy luật trường tồn, nhất là trong bối cảnh khu biệt gắn với một dạng phong tục tập quán dị biệt. Do đó, đoạn kết của nó là một cáo buộc gai góc

---

<sup>13</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sđd, tr.463-464.

<sup>14</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sđd, tr.456-457.



phũ phàng, theo quan điểm của tác giả. Dưới đây là những mô tả, phóng chiếu và tính toán đó: “Quần áo của dân bản xứ ở Sài Gòn thì không khác với áo quần của những người mà chúng tôi đã thấy, và áo quần ấy gần giống nhau cho cả hai giới tính. Những người đàn bà có phẩm hạnh được phân biệt bởi số áo dài mà họ mang trên mình. Áo dài lớp trong hết là áo dài nhất, những áo khác thì càng ngày càng ngắn đi. Chúng đều có màu khác nhau và toàn bộ là rất lòe loẹt. Khi họ đi ra ngoài, họ đội một cái nón đan bằng những sợi tre vót rất mảnh có kéo một lớp dầu bóng làm cho nón không thấm ướt được. Đây chính là một loại đĩa vũm lật ngược lại và níu chặt vào dưới cằm bởi một dây cung quai nón cột vào mỗi bên như một núm cằm của quả ắc. Người ở giai tầng trên lại có những cái chóp nón bằng sừng, bằng gỗ mun, bằng ngà voi hoặc cả đến bằng bạc và bằng vàng. Giày họ đi là giày Tàu. Những người đàn bà cao sang, thì có những người hầu hạ mang theo một cái tráp nhỏ bằng gỗ thơm có trang trí và có khảm bạc và khảm vàng, tráp có nhiều ngăn để cau, trà, vôi... Những người đàn bà trẻ thường đẹp; một vài người lại quá đẹp nữa, trước khi sự nhai trà đáng ghét của họ chưa nhuộm hàm răng, lưỡi, míu lợi và đôi môi của họ. Và lại, những trẻ em cả hai giới tính đều nhai trà rất sớm. Nguyên những người đàn bà đều rất xinh đẹp; nhưng những thói quen ở bản của họ đã làm cho họ méo mó đi và làm biến sắc dạng của họ đi. Đến 30 tuổi, họ trở thành gớm ghiếc và lúc 40 tuổi, thì họ có dáng hình tởm hoàn toàn. Những người đàn bà của giai cấp trên có lưu ý săn sóc một tí đến sự sạch sẽ của họ, và trong lúc đó họ chú ý coi trọng con người của họ giữ cho đến tuổi già những nét trẻ trung và sắc đẹp của họ”<sup>15</sup>. Tóm lại, một cách đa phần cảm tính, phong tục nhuộm răng và ăn trà cùng các tập quán bản địa dị biệt khác bị tác giả kết án là thủ phạm gây ra sự lão hóa nhanh chóng của giới nữ lưu Sài Gòn.

### **Lời kết**

Cùng với công cuộc di dân khởi đầu từ thế kỷ XVII, những nét tính cách Việt nói chung được người phụ nữ vùng trung tâm xứ Nam Kỳ bảo lưu và không ngừng dung nạp trong quá trình hội nhập với các tộc bản địa, tạo nên khung giá trị mở về căn tính, vị thế, vai trò, lối sống, phong tục, tập quán... Ghi chép của viên thuyền trưởng người Mỹ J. White thông qua cuộc hành trình xuyên đại dương dài hơn nửa vòng trái đất không chỉ chứa đựng những giá trị quan trọng về lĩnh vực địa lý - thương mại mà còn tàng trữ một số tư liệu quý hiếm về phương diện nhân học

---

<sup>15</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sdd, tr.408-409.

- văn hóa Nam Kỳ, trong đó có đối tượng phụ nữ. Kỳ thực, những ghi nhận về người phụ nữ Sài Gòn của J. White gần như bao quát mọi sinh hoạt chính yếu của họ trên vùng đất mới, một cách thân thiện và hữu nghị.

Giải thích điều kiện địa lý - lịch sử đặc thù tạo nên vị thế có phần đặc sắc của phụ nữ Sài Gòn cách nay 200 năm, J. White biện dẫn một luận chứng hàm xúc rằng “Ở Nam Kỳ, mọi người đều là lính. Những công việc thương mại đều được giới phụ nữ thực hiện; nữ giới cũng cày bừa đất đai, bảo đảm sự thông thương trên đường sông, thực hành việc trông nom nhà cửa bếp núc nội trợ và làm một phần sản xuất tơ lụa trong xứ...”<sup>16</sup>.

Sau rốt, mặc dù chưa chủ động đề quy nạp các dữ kiện về đối tượng phụ nữ Việt thành một thiên khảo luận thực sự như một nữ tác gia Anh quốc cách sau gần một thế kỷ, song những gì mà người phụ nữ Sài Gòn phô diễn qua hồi ký của J. White xứng đáng được đón nhận sự ngưỡng mộ tương tự từ Gabrielle M. Vassal: “Điều có thể nhận thấy rằng địa vị xã hội của người đàn bà An Nam đã đạt được một mức độ cao. Nhiều nền văn minh Tây phương đã không thừa nhận những quyền lợi của phụ nữ ở mức độ cao hơn thế”<sup>17</sup>.

---

<sup>16</sup> *Những người bạn cố đô Huế*, Sđd, tr.403.

<sup>17</sup> Vassal, Gabrielle M., “Vị thế xã hội của phụ nữ Việt Nam (Phụ nữ Tây phương nhìn phụ nữ Việt Nam 100 năm trước)”, Ngô Bắc dịch và chú giải, © 2008 *gio-o*.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Huy Giu (dịch) (2010), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Trọn bộ, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
2. Midan, P., “Những người Âu đã thấy Huế xưa: John White”; trong: Hà Xuân Liêm (dịch) (2010), *Những người bạn cố đô Huế*, Tập XXIV, Năm 1937, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
3. Roberts, Edmund (1837), *Embassy to the Eastern Courts of Cochin-China, Siam, and Muscat, in the U.S. Sloop-of-War Peacock, David Geisinger, Commander, During the Years 1832-3-4*, Harper & Brothers, New York.
4. Vassal, Gabrielle M., “Vị thế xã hội của phụ nữ Việt Nam (Phụ nữ Tây phương nhìn phụ nữ Việt Nam 100 năm trước)”, Ngô Bắc dịch và chú giải, © 2007 gio-o; trong: Vassal, Gabrielle M. (1910), *On & Off Duty in Annam*, William Heinemann, London.